

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2019

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Võ Kế An**.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày **19** tháng **7** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã DD, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Bảo K**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã TB, huyện CL, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/5/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Bảo K kết hôn vào năm 2014, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 124 do Ủy ban nhân dân xã TB, huyện CL, Tiền Giang cấp ngày 24/9/2014. Từ đầu năm 2019, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị và anh Nguyễn Bảo K không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Bảo K.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Nguyễn Bảo K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Nguyễn Bảo K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Bảo K kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TB, huyện CL, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 24/9/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị Trần Thị Thu H cho rằng nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh Nguyễn Bảo K đã không còn sống chung cho đến nay. Hiện nay chị đã về nhà cha mẹ ruột tại DD sinh sống. Do đó, chị Trần Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với anh K.

[4] Bị đơn Nguyễn Bảo K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu H cũng như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

[5] Xét, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Bảo K và chị Trần Thị Thu H đã trầm trọng, giữa anh K và chị H không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chị Trần Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với anh K là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[6] Về con chung: không có.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn Trần Thị Thu H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Bảo K.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16684 ngày 13/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Nguyễn Bảo K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm